

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
NHIỆT ĐIỆN HẢI PHÒNG**

Số: 4804/NĐHP-TCKT

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hải Phòng, ngày 13 tháng 08 năm 2021

V/v công bố thông tin và giải trình chỉ  
tiêu BCTC 6 tháng đầu năm 2021 sau  
soát xét

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán nhà nước;  
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc  
Hướng dẫn Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng xin công bố thông tin và giải trình chỉ tiêu  
BCTC 6 tháng đầu năm 2021 sau soát xét như sau:

**I. Công bố thông tin BCTC 6 tháng đầu năm 2021 sau soát xét:**

1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.
  - Mã chứng khoán: HND
  - Trụ sở chính: thôn Đoàn, xã Tam Hưng, huyện Thủy Nguyên, tp. Hải Phòng
  - Điện thoại: (0225) 3775 161 - Fax: (0225) 3775 162
  - Người thực hiện công bố thông tin: ông Dương Sơn Bá, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng;
2. Nội dung Công bố thông tin: Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2021 sau soát xét.
3. Thông tin này đã được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 13/8/2021 tại đường dẫn [ndhp.com.vn](http://ndhp.com.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu  
trách nhiệm trước pháp luật với nội dung trên.

**II. Giải trình chỉ tiêu biến động của BCTC 6 tháng đầu năm 2021:**

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng xin giải trình nguyên nhân thay đổi của  
một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2021 sau soát xét đã công bố,  
cụ thể như sau:

1. Giải trình nguyên nhân lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo  
kết quả hoạt động kinh doanh của 6 tháng đầu năm 2021 thay đổi hơn 10% so với Báo  
cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2020:

Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2021 giảm so với 6 tháng đầu năm 2020 là  
568,8 tỷ đồng (tỷ lệ giảm 76,3%), do một số nguyên nhân sau:

- Các nguyên nhân chính làm tăng lợi nhuận trước thuế:
  - Giá vốn hàng bán: Giá vốn hàng bán 6 tháng đầu năm 2021 giảm so với 6 tháng đầu năm 2020 là 840,8 tỷ đồng nguyên nhân chủ yếu do chi phí khấu hao TSCĐ giảm so với cùng kỳ do một số TSCĐ của nhà máy Hải Phòng 1 đã

hết khấu hao và chi phí nhiên liệu giảm do sản lượng phát thấp hơn cùng kỳ khoảng 597 triệu kWh.

- Chi phí lãi vay giảm so với 6 tháng đầu năm 2020 là 63,7 tỷ đồng do số dư nợ vay dài hạn giảm dần.
- Doanh thu hoạt động tài chính tăng so với 6 tháng đầu năm 2020 là 19,6 tỷ đồng do tỷ giá đồng USD và đồng JPY giảm so với cùng kỳ nên Công ty có lãi chênh lệch tỷ giá.
- Lợi nhuận khác tăng 0,5 tỷ đồng

*\*Tổng hợp các nguyên nhân làm tăng lợi nhuận trước thuế 6 tháng đầu năm 2021 so với cùng kỳ là: 947,9 tỷ đồng.*

• Các nguyên nhân chính làm giảm lợi nhuận trước thuế:

- Về doanh thu sản xuất điện: Doanh thu 6 tháng đầu năm 2021 giảm so với 6 tháng đầu năm 2020 là 1.537,5 tỷ đồng nguyên nhân chủ yếu do giá điện, sản lượng điện hợp đồng Qc, sản lượng phát giảm so với cùng kỳ.
- Chi phí chênh lệch tỷ giá (CLTG) giảm so với cùng kỳ 23,3 tỷ đồng do 6 tháng đầu năm nay không phát sinh lỗ CLTG.
- Chi phí Quản lý doanh nghiệp tăng so với cùng kỳ 9 tỷ đồng do phát sinh chi phí ủng hộ quỹ phòng chống Covid 19 và tiền thuê đất tăng lên do giá thuê đất tăng.

*\*Tổng hợp các nguyên nhân làm giảm lợi nhuận trước thuế 6 tháng đầu năm 2021 so với cùng kỳ là: 1.546,6 tỷ đồng.*

2. Tổng hợp các nguyên nhân làm tăng và giảm lợi nhuận trước thuế làm cho lợi nhuận trước thuế 6 tháng đầu năm 2021 giảm so với 6 tháng đầu năm 2020 là 598,7 tỷ đồng. Chi phí thuế TNDN 6 tháng đầu năm 2021 giảm so với 6 tháng đầu năm 2020 là 29,9 tỷ đồng. Do đó, lợi nhuận sau thuế TNDN 6 tháng đầu năm 2021 giảm so với 6 tháng đầu năm 2020 là 568,8 tỷ đồng.

Trân trọng./.

*Tài liệu đính kèm: Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (đã soát xét).*

**Nơi nhận:**

- Như trên (bản giấy);
- HCLĐ (đăng Website C.ty);
- Lưu VT, TCKT.



**Dương Sơn Bá**



KPMG'S COPY

**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2021



**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký Kinh doanh số**

0203000279

ngày 17 tháng 9 năm 2002

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0200493225 ngày 1 tháng 7 năm 2021. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đầu tiên và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Tạ Công Hoan	Chủ tịch
Ông Lê Văn Chính	Thành viên
Ông Lê Minh Tuấn	Thành viên
Ông Lê Ngọc Nam	Thành viên
Ông Dương Sơn Bá	Thành viên (từ ngày 22 tháng 4 năm 2021)
Ông Chu Thế Hoàng	Thành viên (từ ngày 22 tháng 4 năm 2021)
Ông Ngô Minh Quân	Thành viên (đến ngày 22 tháng 4 năm 2021)
Ông Nguyễn Đức Luyện	Thành viên (đến ngày 22 tháng 4 năm 2021)
Ông Nguyễn Thường Quang	Thành viên (đến ngày 30 tháng 6 năm 2021)

**Ban Kiểm soát**

Bà Phạm Thị Dung	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Lê Thị Thủy	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên
Ông Trương Văn Thời	Thành viên (từ ngày 22 tháng 4 năm 2021)
Bà Nguyễn Ngọc Bảo Yến	Thành viên (từ ngày 22 tháng 4 năm 2021)
Bà Huỳnh Thị Phương Khanh	Thành viên (đến ngày 22 tháng 4 năm 2021)
Ông Trần Anh Duy	Thành viên (đến ngày 22 tháng 4 năm 2021)

**Ban Giám đốc**

Ông Dương Sơn Bá	Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 7 năm 2021)
Ông Nguyễn Thường Quang	Tổng Giám đốc (đến ngày 30 tháng 6 năm 2021)
Ông Dương Sơn Bá	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 30 tháng 6 năm 2021)
Ông Lê Anh Tân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Thành	Phó Tổng Giám đốc

**Người đại diện theo pháp luật**

Ông Dương Sơn Bá	Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 7 năm 2021)
Ông Nguyễn Thường Quang	Tổng Giám đốc (đến ngày 30 tháng 6 năm 2021)

**Trụ sở đăng ký**

Thôn Đoàn, Xã Tam Hưng  
Huyện Thủy Nguyên  
Thành phố Hải Phòng  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 39 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc   


Dương Sơn Bá  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hải Phòng, ngày 12 tháng 8 năm 2021

07 / 2 10 10



KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 8 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 39.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.





### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 3(h) trong báo cáo tài chính giữa niên độ trong đó có đề cập việc Công ty ghi nhận chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh trong kỳ theo hướng dẫn của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp áp dụng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CĐKT ngày 3 tháng 9 năm 2015 và Hướng dẫn kế toán cho các đơn vị trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 1425/EVN-TCKT ngày 22 tháng 3 năm 2019 (được gọi chung là "Chế độ Kế toán EVN"). Hướng dẫn của Chế độ Kế toán EVN có sự khác biệt so với hướng dẫn của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 – Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng ("VAS 18") mà theo đó một khoản dự phòng chỉ được ghi nhận khi doanh nghiệp có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới do kết quả của một sự kiện trong quá khứ có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó.

Ảnh hưởng của việc áp dụng chính sách kế toán theo Hướng dẫn của Chế độ Kế toán EVN đến báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 được trình bày tại Thuyết minh 3(h) của báo cáo tài chính giữa niên độ. Kết luận của chúng tôi không ngoại trừ vấn đề này.

### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 21-01-00333-21-1



Nelson Rodriguez Casihan  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2225-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Trương Vĩnh Phúc  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 1901-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2021

**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2021**

Mẫu B 01a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>3.438.055.416.648</b>	<b>4.200.773.644.959</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>61.568.263.294</b>	<b>1.476.544.957.452</b>
Tiền	111		11.568.263.294	16.544.957.452
Các khoản tương đương tiền	112		50.000.000.000	1.460.000.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>50.000.000.000</b>	<b>-</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	50.000.000.000	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>2.735.244.284.863</b>	<b>1.972.317.525.641</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	2.716.937.678.489	1.954.656.158.963
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.692.303.485	464.802.719
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	16.158.625.667	17.740.886.737
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(544.322.778)	(544.322.778)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>590.834.514.917</b>	<b>745.423.558.945</b>
Hàng tồn kho	141		590.834.514.917	745.423.558.945
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>408.353.574</b>	<b>6.487.602.921</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		408.353.574	2.645.085.000
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	3.842.517.921
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>6.383.073.673.892</b>	<b>7.009.776.689.141</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>6.125.726.615.535</b>	<b>6.786.047.498.422</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	6.123.606.085.005	6.784.696.286.493
Nguyên giá	222		22.097.741.589.223	22.083.494.486.346
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.974.135.504.218)	(15.298.798.199.853)
Tài sản cố định vô hình	227	11	2.120.530.530	1.351.211.929
Nguyên giá	228		4.542.963.724	3.507.063.724
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.422.433.194)	(2.155.851.795)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>39.225.064.069</b>	<b>12.187.285.179</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	39.225.064.069	12.187.285.179
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>500.000.000</b>	<b>500.000.000</b>
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	13	500.000.000	500.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>217.621.994.288</b>	<b>211.041.905.540</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	130.097.711.693	134.351.678.323
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		87.524.282.595	76.690.227.217
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>9.821.129.090.540</b>	<b>11.210.550.334.100</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này




**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 01a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>3.873.353.615.201</b>	<b>4.261.525.941.169</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2.330.239.070.655</b>	<b>2.258.754.109.348</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	495.103.531.364	506.114.501.311
Người mua trả tiền trước	312		45.995.251	45.995.251
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	51.286.052.342	17.704.712.638
Phải trả người lao động	314		21.582.380.564	63.935.604.438
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	224.212.585.055	58.658.375.869
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	578.315.796.969	146.202.468.912
Vay ngắn hạn	320	19(a)	894.382.996.812	1.440.287.631.269
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	65.309.732.298	25.804.819.660
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.543.114.544.546</b>	<b>2.002.771.831.821</b>
Vay dài hạn	338	19(b)	1.529.514.544.546	1.989.171.831.821
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		13.600.000.000	13.600.000.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>5.947.775.475.339</b>	<b>6.949.024.392.931</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>5.947.775.475.339</b>	<b>6.949.024.392.931</b>
Vốn cổ phần	411	22	5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		196.652.770.150	196.652.770.150
Vốn khác của chủ sở hữu	414		3.033.280.000	3.033.280.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		571.073.926.781	130.560.492.706
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		177.015.498.408	1.618.777.850.075
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	273.973.558.197
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		177.015.498.408	1.344.804.291.878
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>9.821.129.090.540</b>	<b>11.210.550.334.100</b>

Ngày 12 tháng 8 năm 2021

Người lập:

  
 Phùng Đức Tuyên  
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

  
 Phạm Quốc Toàn  
 Kế toán trưởng

  
 Dương Sơn Bá  
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021**

Mẫu B 02a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
<b>Doanh thu bán hàng</b>	<b>01</b>	<b>25</b>	<b>4.613.493.649.055</b>	<b>6.150.944.257.552</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>26</b>	<b>4.327.362.788.949</b>	<b>5.168.219.502.017</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>286.130.860.106</b>	<b>982.724.755.535</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	41.018.310.089	21.465.961.261
Chi phí tài chính	22	28	84.807.494.688	171.843.420.849
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>84.807.494.688</i>	<i>148.498.006.269</i>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	54.970.119.801	45.895.453.774
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)</b>	<b>30</b>		<b>187.371.555.706</b>	<b>786.451.842.173</b>
Thu nhập khác	31		1.939.796.483	1.466.160.400
Chi phí khác	32		2.979.248.602	2.919.810.925
<b>Lỗ khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(1.039.452.119)</b>	<b>(1.453.650.525)</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>186.332.103.587</b>	<b>784.998.191.648</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>31</b>	<b>9.316.605.179</b>	<b>39.200.000.000</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>177.015.498.408</b>	<b>745.798.191.648</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	354	1.492

Ngày 12 tháng 8 năm 2021

Người lập:



Phùng Đức Tuyên  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Quốc Toàn  
Kế toán trưởng

Đương Sơn Bá  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>186.332.103.587</b>	<b>784.998.191.648</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		674.800.706.539	888.847.079.880
Các khoản dự phòng	03		-	(115.907.000)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(18.649.538.536)	15.349.866.757
Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức	05		(13.563.618.549)	(18.037.022.206)
Chi phí lãi vay	06		84.807.494.688	148.498.006.269
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>913.727.147.729</b>	<b>1.819.540.215.348</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(1.441.440.948.567)	(886.502.685.913)
Biến động hàng tồn kho	10		143.754.988.650	(99.907.457.347)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		180.194.345.011	43.672.746.105
Biến động chi phí trả trước	12		6.490.698.056	5.269.807.091
			<b>(197.273.769.121)</b>	<b>882.072.625.284</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(3.273.333.332)	(17.566.348.640)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(16.407.800.954)	(28.002.397.167)
Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	16		105.000.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(50.561.324.137)	(20.273.715.530)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(267.411.227.544)</b>	<b>816.230.163.947</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(46.209.692.529)	(4.068.553.530)
Tiền chi cho các khoản tiền gửi có kỳ hạn	23		(50.000.000.000)	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		18.275.426.768	17.577.296.178
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(77.934.265.761)</b>	<b>13.508.742.648</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này*



**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		-	278.050.282.048
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(100.000.000.000)	(443.050.282.048)
Tiền chi trả cổ tức	36		(969.631.200.853)	(376.933.081.288)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(1.069.631.200.853)</b>	<b>(541.933.081.288)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(1.414.976.694.158)</b>	<b>287.805.825.307</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>1.476.544.957.452</b>	<b>778.548.300.978</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>61.568.263.294</b>	<b>1.066.354.126.285</b>

Ngày 12 tháng 8 năm 2021

Người lập:

  
**Phùng Đức Tuyên**  
*Kế toán tổng hợp*



  
**Phạm Quốc Toàn**      **Dương Sơn Bá**  
*Kế toán trưởng*      *Tổng Giám đốc*

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này*



**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 5 tháng 10 năm 2016, cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo thông báo ngày 26 tháng 9 năm 2016 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, với mã chứng khoán là HND.

### **(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng (nhiệt điện).

### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

### **(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có 853 nhân viên (1/1/2021: 855 nhân viên).

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty cũng áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp áp dụng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CKKT ngày 3 tháng 9 năm 2015, hướng dẫn kế toán cho các đơn vị trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 1425/EVN-TCKT ngày 22 tháng 3 năm 2019 (được gọi chung là “Chế độ Kế toán EVN”). Những khác biệt giữa Chế độ kế toán EVN so với hướng dẫn của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được trình bày trong Thuyết minh 3(f)(i) và Thuyết minh 3(h).

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.



**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này. Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá trung bình của tỷ giá mua bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá trị hợp lý của khoản đầu tư thấp hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này. Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi giá trị hợp lý của chứng khoán tăng lên hoặc khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp, và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, ngoại trừ nguyên vật liệu là than và dầu dùng cho đốt lò máy phát điện được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.



**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tài sản cố định xây dựng cơ bản hoàn thành được ghi tăng tài sản cố định tại thời điểm căn cứ theo biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng. Đối với các tài sản cố định được bàn giao từ đầu tư xây dựng trong kỳ hoàn thành nhưng chưa được phê duyệt quyết toán, giá trị ghi tăng nguyên giá tài sản cố định là chi phí thực hiện đầu tư tính đến thời điểm bàn giao nếu tập hợp đủ chi phí vào giá thành công trình hoặc giá theo dự toán được duyệt. Khi giá trị công trình được duyệt, nguyên giá tài sản cố định có thể được điều chỉnh theo giá trị quyết toán. Theo hướng dẫn tại Công văn số 2190/EVN-TCKT ngày 12 tháng 6 năm 2013 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về Hướng dẫn một số điểm chủ yếu của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khi nhận được quyết định phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành, nguyên giá tài sản cố định thay đổi, xác định lại mức trích khấu hao của tài sản cố định bằng giá trị quyết toán của tài sản cố định được phê duyệt trừ số đã trích khấu hao tại thời điểm phê duyệt quyết toán chia cho thời gian sử dụng còn lại.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	6 – 20 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 15 năm
▪ tài sản khác	10 năm

**(g) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

**(ii) Tài sản vô hình khác**

Tài sản vô hình khác bao gồm phần mềm tổng đài thông tin nội bộ nhà máy, phần mềm kết nối và truyền dẫn cơ sở dữ liệu, được ghi nhận theo giá gốc và được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 5 đến 10 năm.



**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang là giá trị các công trình đầu tư xây dựng và công trình sửa chữa lớn tài sản cố định dở dang tại Công ty được xác định trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh đến cuối kỳ kế toán năm đối với các công trình tự làm hoặc theo khối lượng thực tế thanh toán với bên thi công trên cơ sở hoá đơn cho khối lượng hoàn thành hoặc hạng mục bàn giao đối với các công trình thuê bên ngoài thực hiện. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí trực tiếp khác, chi phí chung được phân bổ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với quy định hiện hành. Xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Theo hướng dẫn của Chế độ Kế toán EVN, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ dựa trên kế hoạch sửa chữa lớn hàng năm được phê duyệt bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được điều chỉnh vào cuối năm dựa trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh. Chi phí của các công trình sửa chữa lớn đã phát sinh nhưng chưa quyết toán được theo dõi trên số dư tài khoản “Xây dựng cơ bản dở dang” đồng thời với tài khoản “Chi phí phải trả ngắn hạn” trên bảng cân đối kế toán. Khi quyết toán các công trình sửa chữa lớn tài sản cố định, giá trị quyết toán sẽ được hạch toán bù trừ giữa hai khoản mục trên. Hướng dẫn của Chế độ Kế toán EVN có sự khác biệt so với hướng dẫn của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 – *Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng* (“VAS 18”) mà theo đó một khoản dự phòng chỉ được ghi nhận khi doanh nghiệp có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới do kết quả của một sự kiện trong quá khứ có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó.

Nếu Công ty ghi nhận chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định theo hướng dẫn của VAS 18 thì giá vốn hàng bán sẽ giảm 164.597.139.971 VND, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế sẽ tăng lần lượt là 8.229.856.999 VND và 156.367.282.972 VND cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020: giá vốn hàng bán sẽ giảm 197.822.306.605 VND, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế sẽ tăng lần lượt là 19.782.230.661 VND và 178.040.075.944 VND cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020); các tài khoản “Thuế và các khoản phải nộp nhà nước”, “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 sẽ tăng lần lượt là 8.229.856.999 VND và 156.367.282.972 VND, và các tài khoản “Xây dựng cơ bản dở dang” và “Chi phí phải trả ngắn hạn” trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 sẽ giảm số tiền lần lượt là 29.658.258.474 VND và 194.255.398.445 VND (1/1/2021: Không).

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng**

Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng phản ánh số tiền chi đền bù giải phóng mặt bằng để xây dựng nhà máy. Các chi phí này được ghi nhận theo giá gốc và phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 25 năm.

**(j) Phải trả người bán và phải trả khác**

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(k) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**Chi phí khôi phục hiện trường**

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ hoàn nguyên môi trường khi kết thúc Hợp đồng thuê đất. Do tính chất dài hạn của nghĩa vụ này, yếu tố không chắc chắn trọng yếu nhất trong việc ước tính khoản dự phòng này là các chi phí sẽ phát sinh trong tương lai. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, các công việc yêu cầu đối với việc hoàn nguyên môi trường là không chắc chắn. Do đó, Công ty chưa ước tính và ghi nhận khoản dự phòng hoàn nguyên môi trường.

**(l) Quỹ phát triển khoa học và công nghệ**

Quỹ này được trích lập từ thu nhập tính thuế hàng năm trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Quỹ được sử dụng cho đầu tư nghiên cứu và phát triển công nghệ của Công ty.

**(m) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(n) Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.



**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(o) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính giữa niên độ và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(p) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán điện**

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(ii) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.



**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(iv) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(q) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(r) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(s) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu. Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng. Do đó, yêu cầu trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

**(t) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(u) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**(v) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ trước.

**4. Báo cáo bộ phận**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh điện và hoạt động khác là kinh doanh các dịch vụ khác liên quan đến lĩnh vực điện. Trong kỳ, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 30 tháng 6 năm 2020 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh điện.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	134.356.357	122.678.441
Tiền gửi ngân hàng	11.433.906.937	16.422.279.011
Các khoản tương đương tiền	50.000.000.000	1.460.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	61.568.263.294	1.476.544.957.452

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi suất năm là 3% (1/1/2021: 3% đến 5,2%).

**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên ba tháng đến một năm	50.000.000.000	-
	50.000.000.000	-

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, các khoản tiền gửi có kỳ hạn này hưởng lãi suất năm là 3,7%.

**7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b><i>Bên liên quan</i></b>		
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam (i)	2.715.884.489.581	1.948.972.823.599
<b><i>Các bên thứ ba</i></b>		
Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng (ii)	274.109.589	4.985.917.808
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Xây dựng Hưng Ngọc	254.762.273	206.552.000
Công ty TNHH My Sơn	240.659.091	251.753.000
Công ty TNHH Global Link Thăng Long	70.327.727	57.953.000
Các khách hàng khác	213.330.228	181.159.556
	2.716.937.678.489	1.954.656.158.963

- (i) Khoản phải thu thương mại từ bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời gian thu hồi là 23 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.
- (ii) Dự thu lãi tiền gửi được ghi nhận vào tài khoản phải thu của khách hàng theo hướng dẫn của Chế độ Kế toán EVN.



**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**8. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc	11.371.662.838	7.858.503.464
Phải thu chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng (i)	-	5.997.047.596
Các khoản phải thu khác	4.786.962.829	3.885.335.677
	<b>16.158.625.667</b>	<b>17.740.886.737</b>

- (i) Số dư này phản ánh khoản chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng trong giai đoạn đầu tư được phép bù trừ với tiền thuê đất hàng năm theo hướng dẫn tại Văn bản số 104/CT-QLTTĐ ngày 20/1/2014 của Cục thuế Thành phố Hải Phòng.

**9. Hàng tồn kho**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá gốc</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên vật liệu	575.095.275.162	730.710.788.451
Công cụ và dụng cụ	15.674.884.297	14.248.707.308
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	64.355.458	464.063.186
	<b>590.834.514.917</b>	<b>745.423.558.945</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021, Công ty không có hàng tồn kho ứ đọng, mất phẩm chất, hư hỏng cần trích lập dự phòng.





**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**10. Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc VND</b>	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>	<b>Thiết bị văn phòng VND</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND</b>	<b>Tài sản khác VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu kỳ	10.362.709.171.043	10.941.670.275.727	224.501.747.951	553.484.591.377	1.128.700.248	22.083.494.486.346
Tăng trong kỳ	6.421.348.559	3.452.850.000	3.428.880.000	753.331.818	190.692.500	14.247.102.877
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>10.369.130.519.602</b>	<b>10.945.123.125.727</b>	<b>227.930.627.951</b>	<b>554.237.923.195</b>	<b>1.319.392.748</b>	<b>22.097.741.589.223</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	6.326.792.398.522	8.346.747.116.720	217.090.029.228	407.244.706.882	923.948.501	15.298.798.199.853
Khấu hao trong kỳ	275.623.284.688	384.994.302.773	3.269.086.754	11.370.627.416	80.002.734	675.337.304.365
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>6.602.415.683.210</b>	<b>8.731.741.419.493</b>	<b>220.359.115.982</b>	<b>418.615.334.298</b>	<b>1.003.951.235</b>	<b>15.974.135.504.218</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu kỳ	4.035.916.772.521	2.594.923.159.007	7.411.718.723	146.239.884.495	204.751.747	6.784.696.286.493
Số dư cuối kỳ	3.766.714.836.392	2.213.381.706.234	7.571.511.969	135.622.588.897	315.441.513	6.123.606.085.005

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 có các tài sản có nguyên giá 6.114 tỷ VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2021: 677 tỷ VND).

Như trình bày tại Thuyết minh 19(b), các tài sản hình thành từ vốn vay của các khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm và các khoản vay lại từ Tập đoàn điện lực Việt Nam, được sử dụng để thế chấp cho chính các khoản vay này của Công ty.

**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tài sản khác VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ	1.968.956.847	1.538.106.877	3.507.063.724
Tăng trong kỳ	1.035.900.000	-	1.035.900.000
<hr/>			
Số dư cuối kỳ	3.004.856.847	1.538.106.877	4.542.963.724
<hr/>			
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	1.336.309.285	819.542.510	2.155.851.795
Khấu hao trong kỳ	208.503.535	58.077.864	266.581.399
<hr/>			
Số dư cuối kỳ	1.544.812.820	877.620.374	2.422.433.194
<hr/>			
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	632.647.562	718.564.367	1.351.211.929
Số dư cuối kỳ	1.460.044.027	660.486.503	2.120.530.530
<hr/>			

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 có các tài sản có nguyên giá 1.506 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2021: 1.506 triệu VND).

**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Xây dựng cơ bản dở dang**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Số dư đầu kỳ	12.187.285.179	230.935.272.907
Tăng trong kỳ	27.037.778.890	12.677.693.399
Số dư cuối kỳ	39.225.064.069	243.612.966.306

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Công trình trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản	9.566.805.595	12.187.285.179
<i>Nâng cấp hệ thống xử lý khí thải</i>	5.625.091.910	5.625.091.910
<i>Các công trình khác</i>	3.941.713.685	6.562.193.269
Chi phí của các công trình sửa chữa lớn tài sản cố định đã phát sinh nhưng chưa được quyết toán (Thuyết minh 3(h))	29.658.258.474	-
	39.225.064.069	12.187.285.179

**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	30/6/2021			1/1/2021					
			% sở hữu và % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	% sở hữu và % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc	Hải Dương	50.000	0,42%	500.000.000	-	(*)	50.000	0,42%	500.000.000	-	(*)

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư góp vốn này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn này có thể khác với giá trị ghi sổ.



**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**14. Chi phí trả trước dài hạn**

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	809.793.550	133.541.884.773	134.351.678.323
Tăng trong kỳ	-	75.492.142	75.492.142
Phân bổ trong kỳ	(451.760.628)	(3.877.698.144)	(4.329.458.772)
Số dư cuối kỳ	358.032.922	129.739.678.771	130.097.711.693

**15. Phải trả người bán ngắn hạn**

**Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ 30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>Công ty mẹ cấp cao nhất</b>		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	4.500.323.528	-
<b>Công ty mẹ</b>		
Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty Cổ phần (trước đây là Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành viên)	-	96.585.339
<b>Các bên liên quan thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam</b>		
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	157.384.030	2.838.845.923
Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện I	-	1.038.733.360
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Bắc	-	230.569.510
<b>Các bên thứ ba khác</b>		
Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam	334.708.643.772	330.805.276.778
Tổng Công ty Đông Bắc	129.504.028.577	-
Công ty Cổ phần Việt Long	3.406.073.476	8.613.927.957
Viện nghiên cứu Cơ khí	2.632.760.465	18.043.100.075
Công ty CP Vật tư & Thiết bị Công nghiệp	572.522.582	10.840.536.685
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc	493.817.387	46.498.792.739
Các nhà cung cấp khác	19.127.977.547	87.108.132.945
	495.103.531.364	506.114.501.311

Các khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả theo yêu cầu.



**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2021 VND	Số phát sinh VND	Số đã cân trừ VND	Số đã nộp VND	30/6/2021 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	461.949.924.936	(321.077.446.870)	(101.252.527.460)	39.619.950.606
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.766.744.271	9.316.605.179	-	(16.407.800.954)	2.675.548.496
Thuế thu nhập cá nhân	355.947.167	1.407.241.463	-	(1.724.567.470)	38.621.160
Thuế tài nguyên	7.582.021.200	44.429.060.520	-	(43.059.149.640)	8.951.932.080
Các loại thuế khác	-	17.739.116.747	-	(17.739.116.747)	-
	17.704.712.638	534.841.948.845	(321.077.446.870)	(180.183.162.271)	51.286.052.342

**17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định (i)	194.255.398.445	-
Chi phí lãi vay	27.172.824.253	44.198.043.758
Chi phí khác	2.784.362.357	14.460.332.111
	224.212.585.055	58.658.375.869

- (i) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, số dư này bao gồm chi phí của các công trình sửa chữa lớn đã phát sinh thực tế trong kỳ nhưng chưa được quyết toán tại thời điểm cuối kỳ với số tiền là 29.658.258.474 VND (Thuyết minh 3(h) và Thuyết minh 12).

**18. Phải trả ngắn hạn khác**

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Cổ tức phải trả	180.187.983.194	62.319.184.047
Thuế giá trị gia tăng doanh thu bán điện chưa xuất hóa đơn	93.673.711.303	82.401.333.633
Phải trả Tập đoàn Điện lực Việt Nam, công ty mẹ cấp cao nhất	303.292.884.353	288.730.677
Kinh phí công đoàn	157.705.540	136.136.644
Bảo hiểm xã hội	111.713.859	133.239.283
Các khoản phải trả khác	891.798.720	923.844.628
	578.315.796.969	146.202.468.912

Khoản phải trả phi thương mại cho công ty mẹ cấp cao nhất không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi có yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Vay**

**(a) Vay ngắn hạn**

	<b>Vay dài hạn đến hạn trả VND</b>
<b>Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ tại ngày 1/1/2021</b>	1.440.287.631.269
<b>Biến động trong kỳ:</b>	
<b>Tăng:</b>	453.372.517.304
- Chuyển từ vay dài hạn đến hạn trả	453.372.517.304
<b>Giảm:</b>	(999.277.151.761)
- Thanh toán các khoản nợ gốc vay qua bù trừ	(878.107.230.192)
- Thanh toán các khoản nợ gốc vay	(100.000.000.000)
- Chênh lệch tỷ giá do thanh toán qua bù trừ	(8.805.153.004)
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	(12.364.768.565)
<b>Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ tại ngày 30/6/2021</b>	<b>894.382.996.812</b>

**(b) Vay dài hạn**

	<b>30/6/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
Vay dài hạn	2.423.897.541.358	3.429.459.463.090
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(894.382.996.812)	(1.440.287.631.269)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	1.529.514.544.546	1.989.171.831.821

**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng****Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Năm đáo hạn</b>	<b>Lãi suất năm</b>	<b>30/6/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>	
<b><i>Vay lại từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam - Công ty mẹ cấp cao nhất</i></b>						
▪ Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	(i)	USD	2021	5,78%	-	360.121.111.666
▪ Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	(ii)	USD	2024	6,07%	2.294.271.816.588	2.687.648.800.007
▪ Ngân hàng hợp tác Quốc tế Nhật Bản	(iii)	JPY	2021	3,91%	-	73.416.023.506
▪ Ngân hàng hợp tác Quốc tế Nhật Bản	(iv)	JPY	2022	4,41%	129.625.724.770	208.273.527.911
<b><i>Vay từ các tổ chức tín dụng</i></b>						
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm	(v)	VND	2022	Lãi suất huy động tiết kiệm VND 12 tháng trả lãi sau + 2,8%	-	100.000.000.000
				<b>2.423.897.541.358</b>	<b>3.429.459.463.090</b>	

**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Khoản vay ngoại tệ (USD), nhận nợ lại khoản vay giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc theo Hợp đồng tín dụng tài trợ số BLA 05135 với tổng giá trị khoản vay 278.034.200 USD cộng 85% giá trị phí bảo hiểm tín dụng xuất khẩu của Công ty Bảo hiểm Tín dụng Xuất khẩu Trung Quốc. Khoản vay được sử dụng để thanh toán phần khối lượng công việc hoàn thành của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 1. Thời hạn vay là 166 tháng, thời gian ân hạn là 46 tháng. Khoản vay chịu lãi suất 5,08%/năm, phí cam kết khoản vay 0,3%/năm; phí bảo lãnh của Bộ Tài chính và phí cho vay lại lần lượt là 0,5%/năm và 0,2%/năm trên dư nợ gốc vay. Nợ gốc vay được trả 6 tháng/lần, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 21 tháng 1 năm 2012.
- (ii) Khoản vay ngoại tệ (USD), nhận nợ lại khoản vay giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc theo Hợp đồng tín dụng tài trợ số BLA 0701 với tổng giá trị khoản vay 327.182.260 USD. Khoản vay được sử dụng để thanh toán phần khối lượng công việc hoàn thành của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 2. Khoản vay chịu lãi suất 5,62%/năm, phí cam kết khoản vay 0,3%/năm; phí bảo lãnh của Bộ Tài chính và phí cho vay lại lần lượt là 0,25%/năm và 0,2%/năm trên dư nợ gốc vay. Nợ gốc vay được trả 6 tháng/lần, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 21 tháng 4 năm 2015.
- (iii) Khoản vay ngoại tệ (JPY), nhận nợ lại khoản vay giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JBIC) với tổng giá trị khoản vay 7.740.469.321 JPY. Khoản vay được sử dụng để thanh toán phần khối lượng công việc hoàn thành của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 1. Khoản vay chịu lãi suất 1,76%/năm, phí cam kết khoản vay 0,1%/năm; phí rủi ro tín dụng, phí bảo lãnh của Bộ Tài chính và phí cho vay lại lần lượt là 1,45%/năm và 0,5%/năm và 0,2%/năm trên dư nợ gốc vay. Nợ gốc vay được trả 6 tháng/lần với thời hạn trả nợ gốc là 11 năm 6 tháng, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 20 tháng 8 năm 2009.
- (iv) Khoản vay ngoại tệ (JPY), nhận nợ lại khoản vay giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JBIC) với tổng giá trị khoản vay 7.319.484.004 JPY. Khoản vay được sử dụng để thanh toán phần khối lượng công việc hoàn thành của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 2. Khoản vay chịu lãi suất 2,44%/năm, phí cam kết khoản vay 0,04%/năm; phí rủi ro tín dụng, phí bảo lãnh của Bộ Tài chính và phí cho vay lại lần lượt là 1,52%/năm và 0,25%/năm và 0,2%/năm trên dư nợ gốc vay. Nợ gốc vay được trả 6 tháng/lần với thời hạn trả nợ gốc là 11 năm 6 tháng, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 20 tháng 12 năm 2010.
- (v) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng ngày 24 tháng 9 năm 2009 ký giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm. Hạn mức tín dụng là 900 tỷ VND, được sử dụng để thanh toán các chi phí của dự án đầu tư xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 2. Thời gian ân hạn là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian trả nợ gốc là 120 tháng kể từ ngày 31 tháng 5 năm 2013. Nợ gốc vay được hoàn trả trong 20 kỳ bán niên.

Các khoản vay (ii), (iv) và (v) được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay (Thuyết minh 10).

Các khoản vay (i) và (iii) không được đảm bảo.



**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	25.804.819.660	28.040.485.773
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 21)	90.764.416.000	44.968.885.250
Nhận từ Tổng Công ty Phát điện 2, công ty mẹ	105.000.000	-
Sử dụng trong kỳ	(50.561.324.137)	(20.273.715.530)
Chi phí khấu hao được phân bổ trong kỳ	(803.179.225)	(808.261.326)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	65.309.732.298	51.927.394.167

**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**

**Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**21. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn cổ phần VND</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần VND</b>	<b>Vốn khác của chủ sở hữu VND</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển VND</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020</b>	5.000.000.000.000	196.652.770.150	158.280.000	63.435.492.706	938.942.443.447	6.199.188.986.303
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	745.798.191.648	745.798.191.648
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	70.000.000.000	(70.000.000.000)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	-	-	-	-	(44.968.885.250)	(44.968.885.250)
Điều chỉnh khác	-	-	2.875.000.000	(2.875.000.000)	-	-
Cổ tức	-	-	-	-	(550.000.000.000)	(550.000.000.000)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2020</b>	5.000.000.000.000	196.652.770.150	3.033.280.000	130.560.492.706	1.019.771.749.845	6.350.018.292.701
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	724.006.100.230	724.006.100.230
Cổ tức	-	-	-	-	(125.000.000.000)	(125.000.000.000)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021</b>	5.000.000.000.000	196.652.770.150	3.033.280.000	130.560.492.706	1.618.777.850.075	6.949.024.392.931
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	177.015.498.408	177.015.498.408
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	440.513.434.075	(440.513.434.075)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	-	-	-	-	(90.764.416.000)	(90.764.416.000)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	-	(1.087.500.000.000)	(1.087.500.000.000)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2021</b>	5.000.000.000.000	196.652.770.150	3.033.280.000	571.073.926.781	177.015.498.408	5.947.775.475.339

**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

## 22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2021		1/1/2021	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000	500.000.000	5.000.000.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000	500.000.000	5.000.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Không có biến động vốn cổ phần trong các kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021 như sau:

	Số lượng cổ phiếu	Vốn cổ phần VND	%
Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty Cổ phần (trước đây là Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành viên)	255.000.000	2.550.000.000.000	51,00%
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	129.850.000	1.298.500.000.000	25,97%
Các cổ đông khác	115.150.000	1.151.500.000.000	23,03%
	500.000.000	5.000.000.000.000	100%

Công ty mẹ, Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty Cổ phần (trước đây là Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành viên), được thành lập tại Việt Nam.

## 23. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 22 tháng 4 năm 2021, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 1.212,5 tỷ VND (tương đương 2.425 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2020, trong đó có khoản cổ tức 125 tỷ VND (tương đương 250 VND/cổ phiếu) đã được tạm ứng cho các cổ đông trong năm 2020 (cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020: phân phối khoản cổ tức 800 tỷ VND (tương đương 1.600 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2019, trong đó có khoản cổ tức 250 tỷ VND (tương đương 500 VND/cổ phiếu) đã được tạm ứng cho các cổ đông trong năm 2019).



**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**24. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê**

Cam kết thuê chủ yếu liên quan đến từ hợp đồng thuê đất với thời hạn thuê 50 năm ký với Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng. Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	13.763.043.899	10.607.800.000
Từ hai đến năm năm	55.052.175.596	42.431.200.000
Sau năm năm	305.376.999.844	242.840.667.047
	374.192.219.339	295.879.667.047

**(b) Ngoại tệ các loại**

	<b>30/6/2021</b>		<b>1/1/2021</b>	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	59	1.370.381	59	1.370.381
JPY	129.876	29.564.973	129.876	29.564.973
		30.935.354		30.935.354

**(c) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng (*)	1.428.128.030.805	1.428.128.030.805

(\*) Các khoản cam kết chi tiêu vốn của Công ty chủ yếu đến từ dự án nâng cấp, cải tạo hệ thống xử lý khí thải của nhà máy nhiệt điện Hải Phòng.



**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**25. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán điện	4.610.030.173.856	6.146.737.582.396
▪ Doanh thu bán tro xỉ và doanh thu khác	3.463.475.199	4.206.675.156
	<hr/>	<hr/>
	4.613.493.649.055	6.150.944.257.552
	<hr/>	<hr/>

**26. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Chi phí nhiên liệu, phụ liệu	3.276.712.194.464	3.891.566.982.797
Chi phí khấu hao và phân bổ	669.683.665.352	883.407.279.589
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	195.547.562.622	210.500.000.004
Chi phí nhân công	86.660.342.894	88.398.845.332
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	22.190.906.105	18.100.929.829
Chi phí thuế, phí và lệ phí	49.282.117.520	54.045.131.356
Chi phí khác	27.285.999.992	22.200.333.110
	<hr/>	<hr/>
	4.327.362.788.949	5.168.219.502.017
	<hr/>	<hr/>

**27. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Thu nhập lãi tiền gửi	13.503.618.549	18.037.022.206
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	18.649.538.536	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do thanh toán	8.805.153.004	3.428.939.055
Thu nhập cổ tức	60.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
	41.018.310.089	21.465.961.261
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**28. Chi phí tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Chi phí lãi vay	84.807.494.688	148.498.006.269
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	15.349.866.757
Lỗi chênh lệch tỷ giá do thanh toán	-	7.995.547.823
	<b>84.807.494.688</b>	<b>171.843.420.849</b>

**29. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Chi phí đào tạo	567.690.397	438.873.631
Chi phí thuế, phí và lệ phí	20.866.032.026	16.060.204.665
Chi phí nhân viên	12.685.125.138	13.033.945.938
Chi phí khấu hao và phân bổ	3.596.226.095	3.918.985.199
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.231.087.849	3.409.028.014
Chi phí khác	14.023.958.296	9.034.416.327
	<b>54.970.119.801</b>	<b>45.895.453.774</b>

**30. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	3.277.007.975.651	3.892.402.574.358
Chi phí khấu hao và phân bổ	673.279.891.447	887.326.264.788
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	195.547.562.622	210.500.000.004
Chi phí nhân công và nhân viên	99.345.468.032	101.432.791.270
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.421.993.954	21.509.957.843
Chi phí thuế, phí và lệ phí	70.148.149.546	70.105.336.021
Chi phí khác	41.125.757.498	30.715.001.507

**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**31. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

• (a) **Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	9.316.605.179	39.200.000.000

(b) **Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	186.332.103.587	784.998.191.648
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	18.633.210.359	78.499.819.165
Ưu đãi thuế	(9.316.605.180)	(39.299.819.165)
Chi phí thuế TNDN	9.316.605.179	39.200.000.000

Theo quy định hiện hành về thuế, thuế thu nhập doanh nghiệp được tính và quyết toán tại thời điểm cuối kỳ kế toán năm. Thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ được tính bằng cách áp dụng mức thuế suất ưu đãi 10% đối với lợi nhuận trước thuế cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

(c) **Thuế suất áp dụng**

Theo các quy định hiện hành về thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất ưu đãi là 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm đầu kể từ khi Công ty có doanh thu từ hoạt động sản xuất điện (từ năm 2011 đến năm 2025) và mức thuế thu nhập thông thường áp dụng cho các năm tiếp theo.

Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2012 đến năm 2015) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2016 đến năm 2024). Luật thuế thu nhập doanh nghiệp cũng quy định rằng nếu Công ty không phát sinh lợi nhuận chịu thuế trong ba năm liên tiếp từ năm đầu tiên Công ty có doanh thu thì thời gian miễn thuế trên sẽ được tính bắt đầu từ năm thứ tư dù có lợi nhuận chịu thuế hay không.

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất thuế thu nhập thông thường là 20%.



**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**32. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm, chi tiết như sau:

**(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2021</b>	<b>30/6/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận thuần trong kỳ	177.015.498.408	745.798.191.648
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
	<hr/>	<hr/>
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	<b>177.015.498.408</b>	<b>745.798.191.648</b>

(\*) Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chưa thể ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho các kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 30 tháng 6 năm 2020. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

**(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2021</b>	<b>30/6/2020</b>
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu</b>
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành kỳ trước mang sang	500.000.000	500.000.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ	-	-
	<hr/>	<hr/>
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6	<b>500.000.000</b>	<b>500.000.000</b>



**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND</b>	<b>30/6/2020 VND</b>
<b>Công ty mẹ cấp cao nhất</b>		
<b>Tập đoàn Điện lực Việt Nam</b>		
Thanh toán nợ gốc vay bằng cách cản trừ với khoản phải thu khách hàng	583.360.188.492	816.614.977.064
Thanh toán chi phí lãi vay bằng cách cản trừ với khoản phải thu khách hàng	94.284.710.555	144.170.070.190
Chi phí lãi vay và phí vay lại của các khoản vay	79.363.007.682	143.538.150.712
Phí bảo lãnh khoản vay dài hạn	3.573.042.564	8.169.497.830
Mua điện	12.456.544.105	6.558.847.560
<b>Công ty mẹ</b>		
<b>Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty Cổ phần (trước đây là Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành viên)</b>		
Chia cổ tức	554.625.000.000	280.500.000.000
<b>Các bên liên quan khác</b>		
<b>Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại</b>		
Chia cổ tức	282.423.750.000	142.835.000.000
<b>Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam</b>		
Bán điện	4.610.030.173.856	6.146.737.582.396
<b>Tiền lương, thưởng và thù lao cho Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát</b>		
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị</b>		
Ông Tạ Công Hoan	263.580.000	251.826.000
Ông Lê Văn Chính	58.575.000	-
Ông Lê Minh Tuấn	225.654.000	-
Ông Lê Ngọc Nam	74.700.000	36.000.000
Ông Dương Sơn Bá (là Thành viên Hội đồng Quản trị từ ngày 22 tháng 4 năm 2021)	13.500.000	-
Ông Chu Thế Hoàng (là Thành viên Hội đồng Quản trị từ ngày 22 tháng 4 năm 2021)	13.800.000	-
Ông Ngô Minh Quân (là Thành viên Hội đồng Quản trị đến ngày 22 tháng 4 năm 2021)	22.500.000	-
Ông Nguyễn Đức Luyện (là Thành viên Hội đồng Quản trị đến ngày 22 tháng 4 năm 2021)	22.200.000	36.000.000
Ông Nguyễn Thường Quang (là Thành viên Hội đồng Quản trị đến ngày 30 tháng 6 năm 2021)	36.000.000	36.000.000
Ông Nguyễn Trâm (là Thành viên Hội đồng Quản trị đến ngày 5 tháng 6 năm 2020)	-	36.000.000
Ông Nguyễn Văn Quyên (là Thành viên Hội đồng Quản trị đến ngày 5 tháng 6 năm 2020)	16.125.000	27.000.000

**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND</b>	<b>30/6/2020 VND</b>
Ông Nguyễn Minh Thành (là Thành viên Hội đồng Quản trị đến ngày 18 tháng 12 năm 2020)	-	36.000.000
<b>Tổng Giám đốc</b> Ông Nguyễn Thường Quang (là Tổng Giám đốc đến ngày 30 tháng 6 năm 2021)	290.580.000	242.826.000
<b>Thành viên khác của Ban Giám đốc</b> Tiền lương và thưởng	644.152.000	296.200.000
<b>Thành viên Ban Kiểm soát</b> Thù lao	331.075.100	246.400.000

**34. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động tài chính**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2021 VND</b>	<b>30/6/2020 VND</b>
Thanh toán nợ gốc vay bằng cách cản trừ với khoản phải thu khách hàng	583.360.188.492	816.614.977.064
Thanh toán chi phí lãi vay bằng cách cản trừ với khoản phải thu khách hàng	94.284.710.555	144.170.070.190
Chuyển khoản nợ gốc vay phải trả thành khoản phải trả khác	294.747.041.700	63.551.816.502
Chuyển khoản chi phí lãi vay, phí vay lại và phí bảo lãnh khoản vay phải trả thành khoản phải trả khác	4.274.670.306	7.537.578.353

**35. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Ngày 12 tháng 8 năm 2021

Người lập:



Phùng Đức Tuyên  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Quốc Toàn  
Kế toán trưởng

Dương Sơn Bá  
Tổng Giám đốc

